

Số: 90 /KHTC - THCS

Tiên Thắng, ngày 30 tháng 9 năm 2024

KẾ HOẠCH

Dự toán thu, chi tài chính năm học 2024-2025

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công khai ngân sách; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực GDĐT;

Căn cứ Thông tư số 26/2009/TT-BGDĐT ngày 30/9/2009 của Bộ trưởng bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về mặc đồng phục và lễ phục tốt nghiệp của học sinh, sinh viên;

Căn cứ Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ Ban đại diện Cha mẹ học sinh;

Căn cứ Thông tư 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập;

Căn cứ công văn số 2179/BGDĐT-KHTC ngày 13/5/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục đào tạo năm học 2024-2025;

Căn cứ Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16/5/2012 của Bộ trưởng bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về dạy thêm, học thêm; Quyết định số 2449/QĐ-BGDĐT ngày 26/8/2019 về công bố hết hiệu lực các Điều 6,8,9,10,11,12,13 và 14 tại Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16/5/2012; Quyết định số 2050/QĐ-UBND ngày 21/11/2012 của UBND thành phố Hải Phòng quy định về dạy thêm học thêm trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ngày 03/8/2020 về công bố hết hiệu lực các điều



5,8,9,10,11,12,13,14 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 2050/QĐ-UBND ngày 21/11/2012; công văn số 2716/SGDDĐT-TrH ngày 03/10/2023 của SGD&ĐT Hải Phòng về việc tăng cường công tác quản lý dạy thêm, học thêm, chấn chỉnh hoạt động dạy thêm, học thêm từ năm học 2023-2024;

Căn cứ Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND ngày 19/12/2019 của HĐND thành phố Hải Phòng về chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 19/7/2024 của HĐND thành phố Hải Phòng quy định mức học phí năm học 2024-2025 đối với các trường công lập, giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ công văn số 6341/UBND - VX ngày 10/9/2021 của UBND thành phố Hải Phòng về việc thực hiện Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 quy định về tài trợ cho cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND thành phố Hải Phòng về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND thành phố Hải Phòng quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục đào tạo đối với cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Hướng dẫn số 86/HDLS-GDĐT-TC ngày 25/01/2024 Liên sở GDĐT và Tài chính về thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023;

Căn cứ Quyết định số 2802/QĐ-UBND ngày 07/8/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành giá dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ công văn số 3417/VP-VX ngày 23/5/2024 của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục đào tạo năm học 2024-2025;

Căn cứ công văn số 03/HDLS-GDĐT-STC ngày 26/9/2022 của Sở GDĐT, Sở Tài chính Hải Phòng về việc thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục đào tạo đối với cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ công văn số 1044/HDLS-GDĐT-TC ngày 19/8/2024 của Sở GDĐT, Sở Tài chính Hải Phòng về việc thực hiện thu và sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng từ năm học 2024-2025;

Căn cứ công văn số 2533/GDĐT-KHTC ngày 22/8/2024 của Sở GDĐT Hải Phòng về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục đào tạo năm học 2024-2025;

Căn cứ công văn số 56/HDLN-HKH-SGDĐT ngày 01/12/2016 của Hội khuyến học, Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hải Phòng hướng dẫn liên ngành công tác khuyến học trong nhà trường;

Căn cứ công văn số 783/SGDĐT-KHTC ngày 19/09/2013 của SGD&ĐT về hướng dẫn thực hiện Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh, quản lý và sử dụng các khoản đóng góp tự nguyện của học sinh;

Căn cứ Chi thị số 05/CT-UBND ngày 12/10/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng về việc tăng cường công tác quản lý, sử dụng các khoản đóng góp; chấn chỉnh hoạt động dạy thêm, học thêm trên địa bàn huyện Tiên Lãng;

Căn cứ công văn số 2269/UBND-BHXXH ngày 05/8/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng về việc triển khai bảo hiểm y tế học sinh năm học 2024-2025; Công văn số 290/CV-BHXXH ngày 09/8/2024 của Bảo hiểm xã hội huyện Tiên Lãng về việc hướng dẫn công tác thu bảo hiểm y tế học sinh năm học 2024-2025;

Căn cứ công văn số 2436/UBND-TCKH ngày 20/8/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục đào tạo năm học 2024-2025;

Căn cứ kế hoạch liên ngành số 34/KH -LN ngày 12/9/2023 giữa Huyện đoàn và Phòng GD&ĐT Tiên Lãng về việc triển khai phong trào Kế hoạch nhỏ giai đoạn 2023-2027;

Căn cứ công văn số 452/GDĐT ngày 11/9/2024 của Phòng GD&ĐT Tiên Lãng về việc thực hiện các khoản thu, chi; chấn chỉnh việc dạy thêm, học thêm; phối hợp liên kết giáo dục đào tạo trong trường học năm học 2024-2025;

Căn cứ công văn số 398/GDĐT ngày 23/9/2022 của Phòng GD&ĐT Tiên Lãng về việc quán triệt triển khai sử dụng phần mềm quản lý các khoản thu thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt;

Căn cứ nghị quyết cấp ủy, nghị quyết chi bộ, Ban đại diện CMHS và nghị quyết hội đồng trường THCS Tiên Thắng-Toàn Thắng năm học 2024-2025;

Căn cứ biên bản họp cha mẹ học sinh các lớp đầu năm học 2024-2025 ngày 15/9/2024;

Trường THCS Tiên Thắng-Toàn Thắng xây dựng kế hoạch thu chi tài chính trong năm học 2024 – 2025 như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Cơ sở vật chất

- Khu hiệu bộ có cơ sở vật chất tương đối đầy đủ.
- Cơ sở vật chất nhà trường đang từng bước được quan tâm đáp ứng nhu cầu cơ bản cho hoạt động dạy học (bàn ghế, máy tính, phòng thực hành thí nghiệm, sân



chơi đảm bảo học chính khóa và ngoại khóa...) trường đang phấn đấu xây dựng, bổ sung các tiêu chí đạt chuẩn quốc gia mức 2 theo chương trình nông thôn mới kiểu mẫu.

- Có đủ các phòng học và bàn ghế chuẩn phục vụ việc dạy và học.

2. Tổ chức bộ máy

a) Số cán bộ, viên chức, người lao động: 43

- Biên chế 38, hợp đồng huyện: 5

- Số giáo viên trực tiếp dạy: 36 đ/c.

b) Học sinh

- Tổng số lớp: 20 lớp

- Tổng số HS: 701 em

+ Khối 6: 5 lớp = 172 em

+ Khối 7: 6 lớp = 219 em

+ Khối 8: 5 lớp = 165 em

+ Khối 9: 4 lớp = 145 em

- Con thương bình: 01

- Khuyết tật: 03

- Diện nghèo 07 em, cận nghèo 07 em, mồ côi 14.

II. KẾ HOẠCH THU CÁC QUỸ

1. Dự kiến thu cả năm học như sau:

| TT | Nội dung thu | Khối 6 | Khối 7 | Khối 8 | Khối 9 |
|----|---|---------|---------|---------|---------|
| 1 | Bảo hiểm y tế học sinh | 884.520 | 884.520 | 884.520 | 884.520 |
| 2 | Kế hoạch nhỏ: Thu gom phế liệu bán làm kế hoạch (quy tiền). | 40.000 | 40.000 | 40.000 | 40.000 |
| 3 | Học thêm theo tháng, 3 môn Ngữ văn, Toán, Anh 9000đ/tiết (Đối với HS đăng ký học thêm) - Lớp 6,7,8 học 3 buổi/tuần, mỗi buổi 4 tiết, mỗi tiết 45 phút = 48 tiết/tháng (Thu theo thực tế số buổi học) - Lớp 9 học 4 buổi/tuần, mỗi buổi 4 tiết, mỗi tiết 45 phút = 64 tiết/tháng. (Thu theo thực tế số buổi học) | 432.000 | 432.000 | 432.000 | 576.000 |
| 4 | Tiền nước uống: 10.000 đ/tháng | 90.000 | 90.000 | 90.000 | 90.000 |
| 5 | Đồng phục áo mùa hè dài tay (Đối với HS đăng ký) | 120.000 | 125.000 | 130.000 | 135.000 |

| | | | | | |
|---|---|---------|---------|---------|---------|
| | Đồng phục áo mùa hè ngắn tay (Đối với HS đăng ký) | 115.000 | 120.000 | 125.000 | 130.000 |
| | Quần đồng phục (Đối với HS đăng ký) | 175.000 | 180.000 | 185.000 | 190.000 |
| | Bộ đồng phục thể thao dài tay (Đối với HS đăng ký) | 225.000 | | 235.000 | |
| | Đồng phục áo khoác mùa đông (Đối với HS đăng ký) | 220.000 | | 235.000 | |
| 6 | Vở viết 72 trang (Đối với HS đăng ký mua theo số lượng) | 8.300 | 8.300 | 8.300 | 8.300 |
| 7 | Thu tiền vé xe đạp hàng tháng (Đối với HS đăng ký gửi xe) | 30.000 | 30.000 | 30.000 | 30.000 |
| 8 | Học kỹ năng sống 24 tiết. Học trong tháng 8/2025 (Đối với HS đăng ký học) | 300.000 | 300.000 | 300.000 | |
| 9 | Học sinh tự nguyện đăng ký nhu cầu đi trải nghiệm thực tế theo địa điểm cụ thể theo chương trình học tập GDPT 2018 tại địa phương (Đối với HS đăng ký tham gia). Dự kiến chủ đề “Em với thiên nhiên môi trường” tại Vườn quốc gia Cát Bà, động Trung Trang tuần 4 tháng 11/2024. | 555.000 | 555.000 | 555.000 | 555.000 |

2. Dự kiến các khoản thu từng tháng

2.1. Dự kiến thu đợt 1 trong tháng 10/2024

| STT | Nội dung thu | Khối 6 | Khối 7 | Khối 8 | Khối 9 |
|-----|--|---------|---------|---------|---------|
| 1 | Học thêm theo tháng 9 theo thực tế số buổi học (Đối với HS đăng ký học thêm) | 108.000 | 108.000 | 108.000 | 144.000 |
| 2 | Thu tiền vé xe tháng 9 (đối với HS đăng ký gửi xe) | 30.000 | 30.000 | 30.000 | 30.000 |
| 3 | Đồng phục áo mùa hè dài tay (Đối với HS đăng ký) | 120.000 | 125.000 | 130.000 | 135.000 |
| | Đồng phục áo mùa hè ngắn tay (Đối với HS đăng ký) | 115.000 | 120.000 | 125.000 | 130.000 |
| | Quần đồng phục (Đối với HS đăng ký) | 175.000 | 180.000 | 185.000 | 190.000 |

2.2. Dự kiến thu đợt 2 trong tháng 11/2024

| STT | Nội dung thu | Khối 6 | Khối 7 | Khối 8 | Khối 9 |
|-----|---------------|---------|---------|---------|---------|
| 1 | Bảo hiểm y tế | 884.520 | 884.520 | 884.520 | 884.520 |

| | | | | | |
|---|---|---------|---------|---------|---------|
| 2 | Học thêm theo tháng 10 theo thực tế số buổi học (Đối với HS đăng ký học thêm) | 432.000 | 432.000 | 432.000 | 576.000 |
| 3 | Thu tiền vé xe tháng 10 (đối với HS đăng ký gửi xe) | 30.000 | 30.000 | 30.000 | 30.000 |

2.3. Dự kiến thu đợt 3 trong tháng 12/2024

| STT | Nội dung thu | Khối 6 | Khối 7 | Khối 8 | Khối 9 |
|-----|---|---------|---------|---------|---------|
| 2 | Kế hoạch nhỏ kỳ 1 | 20.000 | 20.000 | 20.000 | 20.000 |
| 3 | Học thêm theo tháng 11 theo thực tế số buổi học (Đối với HS đăng ký học thêm) | 432.000 | 432.000 | 432.000 | 576.000 |
| 4 | Thu tiền vé xe tháng 11 (đối với HS đăng ký gửi xe) | 30.000 | 30.000 | 30.000 | 30.000 |
| 5 | Tiền mua nước uống kỳ 1 | 45.000 | 45.000 | 45.000 | 45.000 |
| 6 | Bộ đồng phục thể thao dài tay (Đối với HS đăng ký) | 225.000 | | 235.000 | |

2.4. Dự kiến thu đợt 4 trong tháng 01/2025

| STT | Nội dung thu | Khối 6 | Khối 7 | Khối 8 | Khối 9 |
|-----|--|---------|---------|---------|---------|
| 1 | Học thêm theo tháng 12 theo thực tế số buổi học (Đối với HS đăng ký học thêm) | 432.000 | 432.000 | 432.000 | 576.000 |
| 2 | Thu tiền vé xe tháng 12 (đối với HS đăng ký gửi xe) | 30.000 | 30.000 | 30.000 | 30.000 |
| 3 | Vở viết 72 trang (Đối với HS đăng ký mua theo số lượng) | 8.300 | 8.300 | 8.300 | 8.300 |
| 4 | Học sinh tự nguyện đăng ký nhu cầu đi trải nghiệm thực tế (Đối với HS đăng ký tham gia). | 555.000 | 555.000 | 555.000 | 555.000 |

2.5. Dự kiến thu đợt 5 trong tháng 02/2025

| STT | Nội dung thu | Khối 6 | Khối 7 | Khối 8 | Khối 9 |
|-----|--|---------|---------|---------|---------|
| 1 | Nước uống kỳ 2 | 45.000 | 45.000 | 45.000 | 45.000 |
| 2 | Học thêm theo tháng 1 theo thực tế số buổi học (Đối với HS đăng ký học thêm) | 432.000 | 432.000 | 432.000 | 576.000 |
| 3 | Thu tiền vé xe tháng 01 (đối với HS đăng ký gửi xe) | 30.000 | 30.000 | 30.000 | 30.000 |

2.6. Dự kiến thu đợt 6 trong tháng 3/2025

| STT | Nội dung thu | Khối 6 | Khối 7 | Khối 8 | Khối 9 |
|-----|--|---------|---------|---------|---------|
| 1 | Học thêm theo tháng 2 theo thực tế số buổi học (Đối với HS đăng ký học thêm) | 432.000 | 432.000 | 432.000 | 576.000 |
| 2 | Thu tiền vé xe tháng 2 (đối với HS đăng ký gửi xe) | 30.000 | 30.000 | 30.000 | 30.000 |
| 3 | Kế hoạch nhỏ kỳ II | 20.000 | 20.000 | 20.000 | 20.000 |

2.7. Dự kiến thu đợt 7 trong tháng 4/2025

| STT | Nội dung thu | Khối 6 | Khối 7 | Khối 8 | Khối 9 |
|-----|--|---------|---------|---------|---------|
| 1 | Đồng phục áo khoác mùa đông (Đối với HS đăng ký) | 220.000 | | 235.000 | |
| 2 | Học thêm theo tháng 3 theo thực tế số buổi học (Đối với HS đăng ký học thêm) | 432.000 | 432.000 | 432.000 | 576.000 |
| 3 | Thu tiền vé xe tháng 3 (đối với HS đăng ký gửi xe) | 30.000 | 30.000 | 30.000 | 30.000 |

2.8. Dự kiến thu đợt 8 trong tháng 5/2025

| STT | Nội dung thu | Khối 6 | Khối 7 | Khối 8 | Khối 9 |
|-----|--|---------|---------|---------|---------|
| 1 | Học thêm theo tháng 4 theo thực tế số buổi học (Đối với HS đăng ký học thêm) | 432.000 | 432.000 | 432.000 | 576.000 |
| 2 | Thu tiền vé xe tháng 4 (đối với HS đăng ký gửi xe) | 30.000 | 30.000 | 30.000 | 30.000 |

2.9. Dự kiến thu đợt 9 từ ngày 25 - 31/5/2025

| STT | Nội dung thu | Khối 6 | Khối 7 | Khối 8 | Khối 9 |
|-----|--|---------|---------|---------|---------|
| 1 | Học thêm theo tháng 5 theo thực tế số buổi học (Đối với HS đăng ký học thêm) | 216.000 | 216.000 | 216.000 | 576.000 |
| 2 | Thu tiền vé xe tháng 5 (đối với HS đăng ký gửi xe) | 30.000 | 30.000 | 30.000 | 30.000 |

3. Các khoản thu theo quy định

3.1. BHYT:

Thực hiện theo công văn số 290/CV-BHXH ngày 09/8/2024 của BHXH Tiên Lãng về việc mức đóng BHYT học sinh, sinh viên năm học 2024-2025.

- Học sinh tham gia BHYT năm học 2024-2025 là 884.520 (12 tháng).

- Học sinh con hộ nghèo, con quân nhân, công an, sỹ quan, học sinh tàn tật đã có thẻ BHYT thì không phải mua BHYT.

* Lưu ý: Hồ sơ đối với HS đã được cấp BHYT nộp thẻ BHYT photo.

Trong tháng 11/2024, giáo viên chủ nhiệm nộp danh sách HS tham gia mua BHYT trên phần mềm misa để kế toán lập danh sách và nộp tiền về cơ quan BHXH trước ngày 20/12/2024 kịp thời in cấp thẻ BHYT cho học sinh.

3.2. Kế hoạch nhỏ:

Mức thu 40.000 đồng/năm học (HS thu gom phế liệu làm sạch môi trường, bán phế liệu nộp quỹ về trường).

4. Các khoản thỏa thuận, mua hộ:

4.1. Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp ngoài nhà trường

Trải nghiệm thực tế với chủ đề “Em với thiên nhiên môi trường” tại Vườn quốc gia Cát Bà, động Trung Trang tại Hải Phòng.

Dự kiến số HS tham gia: $500 \times 555.000 = 277.500.000$ đồng.

4.2. Học thêm:

Khối 6,7,8 là 31 tuần/năm x 3 buổi/1 tuần x 93 buổi/năm học. 01 học sinh đóng 93 buổi/năm x 36.000đ/buổi = 3.348.000 đ/1năm/hs.

Khối 9 là 33 tuần/năm x 4 buổi/1 tuần x 132 buổi/năm học. 01 học sinh đóng 132 buổi/năm x 36.000đ/buổi = 4.752.000 đ/1năm/hs.

Lưu ý: Tiền học thêm của học sinh được thu và thanh toán theo tháng, vào ngày mùng 5 hàng tháng của tháng sau. Phó hiệu trưởng kiểm tra, giáo viên dạy thêm đối chiếu với danh sách học sinh học thêm thực tế trong tháng, kế toán thông báo số tiền học sinh phải nộp của tháng trước để PHHS nộp trên phần mềm misa nhà trường.

Khối 6,7,8 nộp 4 tuần x 12 tiết = 48 tiết/tháng x 9.000/tiết = 432.000 đ/tháng.

Khối 9 nộp 4 tuần x 16 tiết = 64 tiết/tháng x 9.000/tiết = 576.000 đ/tháng.

(Số tiền nộp học thêm hàng tháng sẽ tính bằng số buổi học thêm thực tế)

4.3. Vé xe: Thu theo tháng: 30.000 đ/1xe/1 tháng.

(Miễn giảm cho 30 em thuộc diện hoàn cảnh khó khăn)

4.4. Nước uống tinh khiết của học sinh

Dự thu: 660 học sinh x 90.000đ/năm = 59.400.000 đồng.

(Miễn giảm cho 31 em thuộc diện hoàn cảnh khó khăn)

4.5. Tiền trang phục:

| Loại trang phục (HS lựa chọn đăng ký theo nhu cầu) | Khối 6 | Khối 7 | Khối 8 | Khối 9 |
|---|---------|---------|---------|---------|
| Đồng phục áo mùa hè dài tay (Đối với HS đăng ký) | 120.000 | 125.000 | 130.000 | 135.000 |
| Đồng phục áo mùa hè ngắn tay | 115.000 | 120.000 | 125.000 | 130.000 |

| | | | | |
|--|---------|---------|---------|---------|
| (Đối với HS đăng ký) | | | | |
| Quần đồng phục (Đối với HS đăng ký) | 175.000 | 180.000 | 185.000 | 190.000 |
| Bộ đồng phục thể thao dài tay (Đối với HS đăng ký) | 225.000 | | 235.000 | |
| Đồng phục áo khoác mùa đông (Đối với HS đăng ký) | 220.000 | | 235.000 | |

- Học sinh may đồng phục đăng ký theo danh sách.
- Các khoản thu đồng phục học sinh nào tham gia may thì thu tiền.

Tuyên truyền cho học sinh có ý thức giữ gìn trang phục thể thao, áo khoác mùa đông để sử dụng lâu dài, tiết kiệm may thường xuyên.

4.6. Vở viết: Thu theo số HS đăng ký mua cụ thể. Những học sinh được thưởng cuối năm học 2023-2024 và có anh chị học lớp 9 năm học trước để lại thì mua số lượng ít, đủ để viết.

4.5. Học kỹ năng sống: Thực hiện trong hè 2025 (đối với khối 6,7,8).

III. KẾ HOẠCH CHI CÁC QUỸ

1. Kế hoạch chi dạy thêm học thêm

- Thực hiện thu, chi theo Quyết định số 2050/QĐ-UBND ngày 21/11/2012 của UBND thành phố Hải Phòng quy định về dạy thêm học thêm trên địa bàn thành phố Hải.

- Dự thu năm học 2024 - 2025: 2.403.864.000 đồng (Miễn giảm 40 HS)

Khối 6,7,8 là 31 tuần/năm x 3 buổi/1 tuần x 93 buổi/năm học. 01 học sinh đóng 93 buổi/năm x 36.000đ/buổi = 3.348.000 đ/1năm/hs.

Khối 9 là 33 tuần/năm x 4 buổi/1 tuần x 132 buổi/năm học. 01 học sinh đóng 132 buổi/năm x 36.000đ/buổi = 4.752.000 đ/1năm/hs.

- Chi nộp thuế 2% = 48.077.280 đồng.
- Chi lương giáo viên dạy 70% = 1.682.704.814 đồng.
- Chi quản lý quỹ 16% = 384.618.243 đồng.

(Hiệu trưởng 5.0%, phó hiệu trưởng 5.0%; Thủ quỹ 1.6%; Kế toán 2.5%, TTVP 0.6, Bảo vệ 1.3 (02 người)

- Chi CSVC 7 % = 168.270.480 đồng.

+ Chi sửa chữa cửa phòng học, bàn ghế,

+ Chi bảo trì, sửa chữa thay thế hệ thống máy tính, máy in, ti vi, máy văn phòng.

+ Chi thuê mướn, dịch vụ, nấu nước, sửa đường điện, sửa chữa quạt điện, sửa chữa đường nước, thuê cắt trang trí khẩu hiệu, chuyên đề.



+ Chi sửa chữa nhỏ, mua sắm tài sản vật rẻ tiền mau hỏng, vật tư văn phòng khác; (Theo thực tế phát sinh).

- Quỹ phúc lợi 5% = 120.193.201 đồng, chi hỗ trợ cho BC, GV, NV đi tham quan thực tế tại các tỉnh miền Nam Trung Bộ; hỗ trợ may đồng phục năm học mới; ngày 20/11, ngày lễ, ngày tết, khen thưởng giáo viên và học sinh có thành tích.

2. Chi tiền trông coi xe

- Dự kiến thu: 420 xe x 30.000 x 9 tháng = 113.400.000 đồng.
- Chi nộp thuế 10 % = 11.340.000 đồng
- Kế hoạch: Chi trả cho bảo vệ trông coi xe 60% = 68.040.000 đồng.
- Lập quỹ phúc lợi 10% = 11.340.000 đồng.
- Chi hỗ trợ CSVN 20% = 22.680.000 đồng.

3. Chi tiền nước uống

- Dự kiến thu: 660 HS x 90.000 x 9 tháng = 53.460.000 đồng.
- Kế hoạch: Chi trả cho nhà cung cấp 100% = 53.460.000 đồng.

4. Bảo hiểm y tế

- Dự kiến thu: 660 HS x 884.520 = 583.783.200.000 đồng.
- Kế hoạch: Chi trả 100% về Bảo hiểm xã hội huyện Tiên Lãng.

5. Đồng phục

- Dự kiến thu khối 6: 172 HS x 855.000 = 147.060.000 đồng.
- Dự kiến thu khối 7: 150 HS x 425.000 = 63.750.000 đồng.
- Dự kiến thu khối 8: 95 HS x 910.000 = 86.450.000 đồng.
- Dự kiến thu khối 9: 80 HS x 455.000 = 36.400.000 đồng.
- Kế hoạch: Chi trả cho nhà cung cấp 100% nhà cung cấp.

6. Chi tiền vở viết

- Dự kiến thu khối 6: 172 HS x 20 x 8.300 = 28.552.000 đồng.
- Dự kiến thu khối 7: 219 HS x 10 x 8.300 = 18.177.000 đồng.
- Dự kiến thu khối 8: 165 HS x 10 x 8.300 = 13.695.000 đồng.
- Dự kiến thu khối 9: 145 HS x 10 x 8.300 = 12.035.000 đồng.
- Kế hoạch: Chi trả cho nhà cung cấp 100% về nhà cung cấp.

7. Chi kỹ năng sống

- Dự kiến thu: 450 HS x 300.000 = 135.000.000 đồng.
- Kế hoạch:

+ Chi trả kinh phí bản quyền phần mềm = 27.000.000 đồng.

+ Chi trả học phí 85% = 91.800.000 đồng.

+ Chi trả hoạt động quản lý và bổ sung CSVC 15% = 16.200.000 đồng.

8. Chi tiền hoạt động trải nghiệm

- Dự kiến thu: $500 \times 555.000 = 277.500.000$ đồng.

- Kế hoạch: Chi trả cho nhà cung cấp 100% về Công ty cung cấp dịch vụ học tập, du lịch.

9. Chi tiền kế hoạch nhỏ

- Dự kiến thu: $701 \text{ HS} \times 40.000 = 28.040.000$ đồng.

- Kế hoạch: Chi nộp Hội đồng đội huyện 25% = 7.010.000 đồng.

Chi hoạt động Đội tại trường 75% = 21.030.000 đồng.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Căn cứ kế hoạch tài chính năm học, các bộ phận phụ trách cơ sở vật chất, chuyên môn có trách nhiệm lập kế hoạch cụ thể việc mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất; kế hoạch mua sắm bổ sung tài liệu chuyên môn để phân phối nguồn chi đảm bảo việc thu, chi đạt hiệu quả thiết thực, tiết kiệm, tránh lãng phí.

Tuyên truyền đến phụ huynh học sinh và nhân dân tích cực cài đặt và sử dụng dịch vụ tài khoản agribank tại ngân hàng phát triển nông thôn huyện để thực hiện giao dịch trong đóng góp năm học 2024-2025.

Việc thu, chi được thanh quyết toán và công khai hàng tháng trên bảng tin của nhà trường theo đúng quy định của Thông tư 09/2024/TT-BGD&ĐT.

Giáo viên chủ nhiệm lớp có trách nhiệm tuyên truyền phụ huynh học sinh nộp tiền qua tài khoản, triển khai thu các khoản đóng góp, vận động làm kế hoạch nhỏ của học sinh theo đúng mức thu và thời gian phân chia thu theo quy định, lập danh sách thu theo đúng mẫu.

Bộ phận kế toán tài vụ: Giao bà Lê Thị Việt Hải, bà Phạm Thị Thương cập nhật đồng bộ dữ liệu trên phần mềm quản lý các khoản thu của công ty cổ phần MISA. Giao bà Lê Thị Việt Hải hướng dẫn giáo viên chủ nhiệm hoàn thiện hồ sơ trên phần mềm, báo cáo kết quả triển khai về Hiệu trưởng trước ngày 05/10/2024 để tổng hợp báo cáo Phòng GD&ĐT. Kế toán nhà trường có trách nhiệm hướng dẫn giáo viên, phụ huynh học sinh thực hiện chuyển đổi số, thu nộp qua tài khoản, lập các biểu mẫu thu, chi; tổng hợp số liệu; lập hồ sơ thanh quyết toán hàng tháng, quý; tham mưu cho Hiệu trưởng về các hạng mục chi, định mức chi để đảm bảo theo đúng quy định của công tác tài chính hiện hành.

Hiệu trưởng: Triển khai, theo dõi, kiểm tra việc thu, chi của giáo viên chủ nhiệm lớp, bộ phận kế toán tài vụ; duyệt chi; duyệt các báo cáo tổng hợp số liệu, báo cáo quyết toán; xử lý các cá nhân vi phạm trong công tác tài chính.

Trong tháng 9/2024 nhà trường đang xây dựng kế hoạch, giáo viên chủ nhiệm chưa được phép thu các khoản thuộc năm học 2024-2025. Sau khi hoàn

thành đồng bộ dữ liệu trên phần mềm quản lý các khoản thu của công ty cổ phần MISA nhà trường sẽ có thông báo chính thức việc thu chi từ học sinh.

Kế hoạch dự toán thu, chi tài chính năm học 2024-2025 được thông qua hội đồng trường, thông báo trước toàn thể phụ huynh học sinh và thực hiện công khai theo quy định.

HIỆU TRƯỞNG

Lương Văn Thuận

NGƯỜI LẬP

Lê Thị Việt Hải

Nơi nhận:

- Phòng GDĐT (để báo cáo);
- Đảng ủy, HĐND, UBND xã (để báo cáo);
- Ban đại diện CMHS (Để giám sát);
- Ban giám hiệu (Để phối hợp);
- Kế toán, GVCN lớp (Để thực hiện);
- Website;
- Lưu: VT.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẢNG ỦY
XÃ TIỀN THẮNG**

ĐI THƯ
Phạm Văn Nho
**XÁC NHẬN CỦA ĐẢNG ỦY
XÃ TOÀN THẮNG**

**XÁC NHẬN CỦA HĐND
XÃ TIỀN THẮNG**

PHÓ CHỦ TỊCH
Lưu Xuân Quý
**XÁC NHẬN CỦA HĐND
XÃ TOÀN THẮNG**

**XÁC NHẬN CỦA UBND
XÃ TIỀN THẮNG**

PHÓ CHỦ TỊCH
Phạm Văn Chăm
**XÁC NHẬN CỦA UBND
XÃ TOÀN THẮNG**

PHÓ CHỦ TỊCH
Vũ Văn Bản